**22**. **Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký bè cá.**

- **Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ, nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Chi cục Thủy sản hoặc qua đường bưu chính công.

+ Bước 2: Chuyên viên Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Chi cục Thủy sản tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ:

- Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, chưa đầy đủ thì trả hồ sơ yêu cầu bổ sung.

- Nếu hồ sơ hợp lệ, đầy đủ thành phần, trong thời hạn không quá 01 buổi làm việc, Chuyên viên Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả ra Giấy tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, sau đó chuyển hồ sơ cho phòng Khai thác & Phát triển nguồn lợi thủy sản xử lý.

+ Bước 3: Phòng Khai thác & Phát triển nguồn lợi thủy sản khi tiếp nhận và thẩm định hồ sơ:

- Trường hợp nếu thấy hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn không quá 01 buổi làm việc, phòng Khai thác & Phát triển nguồn lợi thủy sản phải phản hồi lại cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ biết để kịp thời điều chỉnh, bổ sung hồ sơ. Sau khi nhận được điều chỉnh bổ sung hồ sơ của tổ chức, cá nhân, phòng Khai thác & Phát triển nguồn lợi thủy sản tiếp tục xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản, trình lãnh đạo Chi cục xem xét, ký ban hành (tổng thời gian thực hiện không quá 02 ngày làm việc).

- Trường hợp nếu hồ sơ hợp lệ thì, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc phải thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản, trình lãnh đạo Chi cục xem xét, ký ban hành.

+ Bước 4: Trong thời hạn không quá 01 buổi làm việc, Lãnh đạo Chi cục Thủy sản xem xét, ký phê duyệt và chuyển kết quả Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.

- **Cách thức thực hiện:** trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính; hoặc dịch vụ trực tuyến (nếu có); qua địa chỉ email: tntkq.ccts@gmail.com.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**+ Thành phần hồ sơ:**

1) Tờ khai đăng ký bè cá (theo mẫu);

2) Giấy tờ hợp pháp do Cơ quan có thẩm quyền cấp về Quyền sử dụng mặt nước, hoặc quyền thuê mặt nước đặt bè cá;

3) Sơ đồ vùng nước nơi đặt bè cá (nếu có);

4) Giấy cam kết đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn vệ sinh thú y, vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường trong hoạt động nuôi thủy sản bằng bè cá.

**+ Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời gian giải quyết:** không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Chi cục Thủy sản An Giang.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Tổ chức.

+ Cá nhân.

- **Mẫu đơn, tờ khai:**

+ Tờ khai đăng ký bè cá theo mẫu Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT.

+ Giấy chứng nhận đăng ký bè cá theo mẫu Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT.

- **Phí và lệ phí:** Không quy định.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký bè cá.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Bè cá phải có tổng dung tích từ 50 m3 trở lên

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003.

+ Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản;

+ Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15/12/2010 của Chính phủ.

+ Thông tư số 230/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm, an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị tàu cá, phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp giấy phép hoạt động thủy sản.

+ Điều 15 Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ Thủy sản về ban hành Quy chế đăng ký- tàu cá và thuyền viên.

+ Quyết định 3548/QĐ-BNN-TCTS ngày 29 tháng 8 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa và thủ tục hành chính bị hủy bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong lĩnh vực thủy sản.

**PHỤ LỤC SỐ 5**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ BÈ CÁ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*.............,ngày..........tháng.......năm...........*

**TỜ KHAI**

**ĐĂNG KÝ BÈ CÁ**

Kính gửi: ..........................................................................................

Họ tên người đứng khai:.........................................................................................

Thường trú tại: ......................................................................................................

Chứng minh nhân dân số:.......................................................................................

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký bè cá với nội dung sau:

**1. Đặc điểm cơ bản của bè cá như sau:**

Đối tượng nuôi: .....................................................................................................

Năm, nơi đóng: ......................................................................................................

Nơi đặt bè: .............................................................................................................

Kích thước chính L(m) x B(m) x D(m): ................................................................

Vật liệu khung bè: ............................................ ; Vật liệu dự trữ nổi: ...................

Tổng dung tích: .....................................................................................................

Các thiết bị lắp đặt trên bè cá:................................................................................

Số người làm việc trên bè cá, người.......................................................................

**2. Họ tên, địa chỉ các chủ sở hữu (nếu bè cá thuộc sở hữu nhiều chủ):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Địa chỉ** | **Chứng minh nhân dân** |
| 01 |  |  |  |
| 02 |  |  |  |
| 03 |  |  |  |
| 04 |  |  |  |

**3. Hồ sơ kèm theo**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hồ sơ đăng ký bè cá** | **Bản chính** | **Bản sao** |
| 01 | Hợp đồng đóng mới bè cá |  |  |
| 02 | Giấy chứng nhận đăng ký cũ (đối với bè cá chuyển nhượng quyền sở hữu) |  |  |
| 03 | Giấy tờ chuyển nhượng quyền sở hữu bè cá (đối với bè cá chuyển nhượng quyền sở hữu) |  |  |
| 04 | Hóa đơn thu lệ phí trước bạ |  |  |

Tôi xin cam đoan chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN**  của xã, phường nơi đặt bè cá  (Ký tên, đóng dấu) | **ĐẠI DIỆN CHỦ BÈ CÁ** |

**PHỤ LỤC SỐ 6**

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ BÈ CÁ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

(TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN ĐĂNG KÝ BÈ CÁ)

**CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ BÈ CÁ**

Bè cá có đặc điểm sau:

|  |  |
| --- | --- |
| - Kích thước cơ bản;  L(m) x B(m) x D(m) | …………………………………………..………. |
| - Dung tích bè, m3 | …………………………………………………… |
| - Đối tượng nuôi | …………………………………………………… |
| - Năm và nơi đóng | …………………………………………………… |
| - Vật liệu khung bè | …………………………………………………… |
| - Vật liệu dự trữ nổi của bè | …………………………………………………… |
| - Nơi neo đậu | …………………………………………………… |
| - Số người làm việc trên bè | …………………………………………………… |
| - Chủ bè: | …………………………………………………… |
| - Nơi thường trú | …………………...……………………………… |
| - Điện thoại | ………………...………………………………… |

Được cấp số đăng ký:

Cấp tại …………………, ngày……tháng………năm…

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

(ký tên đóng dấu)

Số vào Sổ đăng ký: …………………………